

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **116/2021/HS-ST**
Ngày: 20-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Hùng Dương;
- Ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Minh Đ**, sinh năm 1990, tại Sóc Trăng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Huỳnh Thị K; bị cáo có vợ tên Vương Hồng N, chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 02/12/2020, bị Công an phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 346/QĐ-XPHC; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Võ Trọng N**, sinh năm 1995, tại Sóc Trăng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2020 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Lệ Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố 7, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Đức D, sinh năm 1956; địa chỉ: Khu phố 7, phường T, thành phố T, tỉnh, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Đỗ Thị Tr, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh Đ, Võ Trọng N là bạn với nhau và đều là đối tượng nghiện ma túy. Do không có tiền tiêu xài nên đêm 31/12/2020, Đ rủ N đi tìm tài sản của người khác, trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì N đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 72L2-3384 chở N đi tìm tài sản để lấy trộm. Khoảng 03 giờ cùng ngày 31/12/2020, khi Đ và N đi đến khu nhà trọ; địa chỉ tại số 07, đường Thích Quảng Đức, tổ 4, khu phố 2, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì cả hai nhìn thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 61B1-542.38 của chị Nguyễn Thị Lệ Tr đang để bên trong hành lang nhà trọ, trước phòng số 10; đồng thời xung quanh vắng người nên Đ dừng xe đứng bên ngoài cảnh giới, còn N đi bộ vào lấy trộm xe của chị Tr rồi cùng tẩu thoát. Sau khi lấy được xe, Đ và N đem đến khu vực phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để tìm nơi tiêu thụ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày 31/12/2020, khi Đ và N đem xe đến quán cà phê Bảo Anh, địa chỉ tại khu phố Thạnh Lợi, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để uống nước và tìm người để bán xe thì bị Công an phường An Thạnh kiểm tra hành chính thấy nghi vấn nên yêu cầu về trụ sở làm việc. Qua làm việc, Đ và N khai nhận hành vi lấy trộm xe của chị Tr. Công an phường An Thạnh tạm giữ xe và chuyển giao hồ sơ vụ việc cùng Đ và N cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thuận An để xử lý theo thẩm quyền. Cùng ngày 31/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thuận An ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đ và N, đồng thời thu thập tài liệu, chứng cứ và chuyển giao Đ, N cùng hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền. Ngày 01/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đ, N và thu giữ vật chứng là xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 61B1-542.38.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 17/KLTS-TTHS ngày 07/01/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 61B1-542.38, trị giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 61B1-542.38, quá trình điều tra xác định do ông Trần Đức D đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký. Ông D giao cho chị Nguyễn Thị Lệ Tr quản lý và sử dụng làm phương tiện đi lại (ông D là cha chồng của chị Tr). Vì vậy, ngày 08/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả xe

cho chị Tr, theo Quyết định xử lý vật chứng số 06 ngày 08/01/2021. Hiện chị Tr không yêu cầu gì khác đối với Đ và N.

Quá trình điều tra, Đ khai nhận xe mô tô hiệu Honda Dream, biển số 72L2-3384 mà Đ sử dụng chở N đi trộm tài sản là do Đ lấy trộm tại khu phố Thạnh Bình, phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vào ngày 30/12/2020. Đối với xe này, do giá trị tài sản chưa đủ định lượng cấu thành tội trộm cắp tài sản và Đ chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thuận An đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng đối với Đ.

Cáo trạng số 107/CT-VKS-HS ngày 26/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Minh Đ, Võ Trọng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Trần Minh Đ mức hình phạt từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

+ Bị cáo Võ Trọng N mức hình phạt từ 09 tháng đến 01 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hai đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ và N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và không có ý kiến tranh luận; trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Minh Đ, Võ Trọng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại và nội dung bản cáo trạng. Vì vậy, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 03 giờ ngày 31/12/2020, tại khu vực trước Phòng trọ số 10 của khu Nhà trọ địa chỉ số 07,

đường Thích Quảng Đức, tổ 4, khu phố 2, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Minh Đ, Võ Trọng N đã lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu trắng-đen, biển số 61B1-542.38, trị giá 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Lệ Tr. Do đó, hành vi mà các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Đ và N là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Đ là người rủ rê và cùng bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Đ có nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, Hội đồng xét áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo Đ cao hơn bị cáo N.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi và giao trả cho bị hại, theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đ và N, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 260 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh Đ, Võ Trọng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2020.

1.2. Xử phạt bị cáo Võ Trọng N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Minh Đ, Võ Trọng N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Sinh

